

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá được xác định tại Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Từ đó, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thúc đẩy các đột phá chiến lược về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc, thiết thực và hiệu quả nội dung Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng; bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, từng cơ quan, đơn vị; góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa và thực hiện kịp thời, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Xác định nhiệm vụ, giải pháp, kết quả sản phẩm, tiến độ thực hiện cụ thể và phân công tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao, thực sự tạo được đột phá phát triển khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo nền tảng, động lực thúc đẩy phát triển của xã trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Đến hết năm 2025

a. Phát triển hạ tầng

Phối hợp với nhà mạng hoạt động kinh doanh trên địa bàn triển khai thực hiện nâng cấp hạ tầng viễn thông.

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 50\%$
- Tỷ lệ $\geq 50\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ $\geq 500\text{mb/s}$

b. Phát triển nguồn lực

- Bố trí kinh phí ngân sách địa phương đảm bảo cơ bản cho nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Có $\geq 80\%$ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.
- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c. Phát triển khoa học, công nghệ

- Ít nhất 50% hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã áp dụng công nghệ số (truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử...).

d. Phát triển chuyển đổi số

- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất kinh doanh được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện phi tiếp xúc.
- Có $\geq 70\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có 70% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 40\%$ dữ liệu địa phương được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (theo quy định).
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 50\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNelD).

2.2. Đến năm 2030

a. Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 GB/s.

b. Phát triển nguồn lực

- Bổ trí $\geq 1,0$ % tổng chi ngân sách địa phương cho nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c. Phát triển khoa học, công nghệ

- Mỗi năm có 01 đến 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu.
- Mỗi năm có 01 đến 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được triển khai.
- 100% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có 01 đến 02 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (*sáng chế giải pháp hữu ích*).
- Có ≥ 10 % doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Ít nhất 70% hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã áp dụng công nghệ số (truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, IoT).
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, quản lý và nâng cao chất lượng sống người dân.

d. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có 01 đến 02 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 30 % doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có 01 đến 02 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có 01 đến 02 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Có 01 đến 02 doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

đ. Phát triển chuyển đổi số

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện phi tiếp xúc.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 60\%$ hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông tới tỉnh.
- Có $\geq 85\%$ dữ liệu của xã được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.
- Chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.3. Đến hết năm 2035

a. Phát triển hạ tầng

Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b. Phát triển nguồn lực

- Bố trí $\geq 1,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương cho nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có từ 01 đến 02 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

c. Phát triển khoa học, công nghệ

- Có từ 01 đến 02 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn
- Mỗi năm có 01 đến 02 công trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu.

- Mỗi năm có 01 đến 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được triển khai.

- Có 100% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 05 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (*sáng chế giải pháp hữu ích*).

- Có $\geq 10\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Ứng dụng, khai thác hoặc tham gia triển khai một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, nâng cao chất lượng sống người dân.

d. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có từ 01 đến 02 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có từ 02 đến 03 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có từ 5 đến 10 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có 01 đến 02 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 5 bài viết khoa học ứng dụng liên quan đến đổi mới sáng tạo.

- Có 02 đến 03 doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

đ. Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh.

- 100% dữ liệu của xã được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.

- Chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) xã đóng vai trò như “bộ não số” của xã, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện

công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

2.4. Đến hết năm 2040

a. Phát triển hạ tầng

Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b. Phát triển nguồn lực

- Bố trí $\geq 2,0\%$ tổng chi ngân sách địa phương cho nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 02 đến 03 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (*chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...*).

c. Phát triển khoa học, công nghệ

- Có từ 03 đến 04 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn xã.

- Mỗi năm có 02 đến 03 công trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu.

- Mỗi năm có 02 đến 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được triển khai.

- Có 100% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 05 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (*sáng chế giải pháp hữu ích*).

- Có $\geq 20\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 5 bài viết khoa học có địa chỉ tác giả tại xã (Scopus/ISI).

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường; nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

d. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có từ 02 đến 03 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có từ 03 đến 04 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có từ 5 đến 10 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có 02 đến 03 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 5 bài viết khoa học ứng dụng liên quan đến đổi mới sáng tạo.
- Có 03 đến 04 doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

đ. Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh, Trung ương.
- 100% dữ liệu của các cơ quan, đơn vị thuộc xã được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.
- Chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Trung tâm điều hành thông minh cấp xã thực hiện tốt vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

2.5. Đến hết năm 2045

a. Phát triển hạ tầng

Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b. Phát triển nguồn lực

- Bỏ trí $\geq 2,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương cho nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.
- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (*chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...*).
- Có từ 03 đến 04 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.
- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

c. Phát triển khoa học, công nghệ

- Có từ 04 đến 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn xã.
- Mỗi năm có 03 đến 04 công trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu.
- Mỗi năm có 03 đến 04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được triển khai.
- Có 100% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 05 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (*sáng chế giải pháp hữu ích*).
- Có $\geq 30\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 10 bài viết khoa học có địa chỉ tác giả tại xã (Scopus/ISI).

d. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có từ 03 đến 04 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có từ 04 đến 05 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có từ 5 đến 10 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có 02 đến 03 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 5 bài viết khoa học ứng dụng liên quan đến đổi mới sáng tạo.

Có 03 đến 04 doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

đ. Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh, Trung ương.
- 100% dữ liệu của các cơ quan, đơn vị thuộc xã được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.
- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Duy trì trung tâm điều hành thông minh (IOC) xã Di Linh đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

- Chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

- Triển khai các hoạt động thực tiễn góp phần nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

1.1. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về nội dung Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã theo hướng đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.

1.2. Xây dựng chương mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử, truyền thanh và mạng xã hội.

1.3. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên và nhân dân.

1.4. Triển khai thực hiện các quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức.

1.5. Triển khai thực hiện Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

1.6. Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1.7. Phấn đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật từng cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn xã.

1.8. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

1.9. Triển khai thực hiện nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp theo văn bản của cấp trên.

1.10. Phát động phong trào thi đua trong xã để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời cho các các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc.

1.11. Trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, điều chỉnh trong dự toán ngân sách để bố trí đảm bảo ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng năm.

- *Chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội*

- *Phối hợp: UB MTTQVN và các tổ chức chính trị, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ, thương mại và Ban nhân dân các thôn trên địa bàn xã.*

2. Khẩn trương, quyết liệt tham gia hoàn thiện, triển khai thực hiện có hiệu quả các thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Rà soát các quy định pháp luật để kịp thời đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Rà soát, đề xuất điều chỉnh, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan tới người dân; tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính.

2.3. Rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Giao dịch điện tử; đề xuất, thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; đề xuất phương án cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

2.4. Triển khai thực hiện số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

2.5. Đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp;

triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

2.6. Triển khai thực hiện Đề án huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- *Chủ trì: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND và UBND, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Công an xã- theo chức năng, nhiệm vụ.*

- *Phối hợp: các cơ quan, đơn vị, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị, Ban nhân dân các thôn.*

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

3.1. Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược.

3.2. Bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định hiện hành phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành chi sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã; bố trí đảm bảo ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến để phát triển các sản phẩm thế mạnh của xã.

3.3. Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

3.4. Rà soát các quy định hiện hành để đề xuất về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số.

3.5. Thực hiện kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực.

3.6. Triển khai thực hiện các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số theo quy định.

3.7. Xây dựng Kế hoạch/Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

3.8. Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số.

3.9. Triển khai thực hiện đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh...

3.10. Triển khai thực hiện kế hoạch hạ tầng 5G, IoT trong cụm công nghiệp (nếu có).

3.11. Hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm phủ sóng mạng di động băng thông rộng 5G trên toàn địa bàn xã.

3.13. Triển khai đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội.

3.14. Thu thập, cập nhật và sử dụng dữ liệu kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu.

3.15. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

3.16. Triển khai thực hiện Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số theo thẩm quyền.

3.18. Sử dụng khai thác dữ liệu “Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng” theo quy định.

- *Chủ trì: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND và UBND, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Công an xã- theo chức năng, nhiệm vụ.*

- *Phối hợp: các cơ quan, đơn vị, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị, Ban nhân dân các thôn.*

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

4.1. Tập trung bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực sẵn có tại địa phương để phục vụ chuyển đổi số và phát triển khoa học, công nghệ; cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ; khuyến khích cán bộ tự học, tự nâng cao trình độ, áp dụng các ứng dụng, phần mềm mới vào công việc.

4.2. Đóng góp vào các chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

Chủ trì: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn xã.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số.

5.2. Triển khai thực hiện Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (theo hướng dẫn của cấp trên).

5.3. Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.

5.4. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

5.5. Đề xuất cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5.6. Triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.

5.7. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch theo thẩm quyền.

5.8. Triển khai thực hiện các nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

5.9. Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng theo thẩm quyền.

5.10. Triển khai thực hiện các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

5.11. Triển khai thực hiện Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo thẩm quyền.

5.12. Triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo thẩm quyền.

5.13. Triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng theo thẩm quyền.

5.14. Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu theo thẩm quyền.

5.15. Triển khai thực hiện các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng theo thẩm quyền.

5.16. Triển khai thực hiện Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng theo thẩm quyền.

5.17. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: (8) Phát triển kinh tế ban đêm theo thẩm quyền.

5.18. Thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.

5.19. Triển khai thực hiện các giải pháp, công cụ giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; để cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.

5.20. Triển khai thực hiện Bộ chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành; kết nối hạ tầng dữ liệu quốc gia của tỉnh Lâm Đồng.

5.21. Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

5.22. Triển khai thực hiện Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5.23. Triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo theo thẩm quyền.

- *Chủ trì: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND và UBND, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Công an xã- theo chức năng, nhiệm vụ.*

- *Phối hợp: các cơ quan, đơn vị, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị, Ban nhân dân các thôn.*

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1. Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

6.2. Triển khai thực hiện bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

6.3. Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu theo thẩm quyền.

6.4. Triển khai thực hiện chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

- *Chủ trì: Phòng Kinh tế*

- *Phối hợp: các cơ quan, chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị, Ban nhân dân các thôn.*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí cụ thể hàng năm để triển khai thực hiện theo quy định.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật; lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ được giao cho các cơ quan, đơn vị trong các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về tiến độ, nội dung, kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch và chủ động thực hiện các nội dung sau:

1.1. Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này.

1.2. Rà soát các chương trình, kế hoạch đã ban hành còn hiệu lực nhưng không còn phù hợp, chủ động tham mưu cấp thẩm quyền kết thúc và thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan đầu mối, tổng hợp, có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã kịp thời tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định: báo cáo tháng (trước ngày 10 hàng tháng); báo cáo hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý); báo cáo năm (trước ngày 10 tháng 11 hàng năm).

3. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện hàng năm và giai đoạn theo đúng quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua, cuộc vận động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

5. Ban nhân dân các thôn

Tuyên truyền để người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thôn hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đời sống, sản xuất. Giới thiệu các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, mô hình kinh doanh số hiệu quả tại địa phương để khuyến khích các hộ gia đình học hỏi và làm theo. Khuyến khích người dân tích cực tham gia các hoạt động chuyển đổi số, như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các ứng dụng số khác. Phối hợp với tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân làm thủ tục hành chính trực tuyến, sử dụng Cổng Dịch vụ công của tỉnh và quốc gia. Vận động và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thôn ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Công an xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã;
- Ban nhân dân các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Nhật Thi

